

SỐ 1559

A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ THÍCH LUẬN

Tác giả: Tôn giả Bà-lưu-bàn-đậu.

Hán dịch: Đồi Trần, Tam Tạng Chân Đế.

QUYỂN 1

Phẩm 1: PHÂN BIỆT GIỚI (PHẦN 1)

*Nhất thiết chủng trí diệt tối tăm
Cứu chúng sinh khỏi bần sinh tử
Đảnh lễ Đại sư, giáo như lý
Đối pháp Câu xá, con sẽ nói.*

Giải thích: Nếu người muốn tạo ra Luận thích đáng thì cần phải bảo cho người khác biết rõ về công đức bất động (không chung) của bậc Đại sư, nên trước hết là nói về các đức, sau xin đảnh lễ bậc Đại sư. Bài kệ này chỉ căn cứ vào Phật, Thế Tôn mà nói.

Kệ nói: Nhất thiết chủng trí diệt tối tăm.

Giải thích: Diệt tất cả tối tăm: Do Nhất thiết chủng trí. Không sáng suốt nhận rõ (vô minh) tất cả pháp, có thể gây chướng ngại cho việc thấy nghĩa chân thật, nên gọi chúng là tối tăm.

Đối với Phật vì đã đối trị tận gốc vô minh này, nên tất cả chủng loại ở trong tất cả pháp vĩnh viễn không sinh tức gọi là diệt. Hàng Độc giác và Thanh văn đối với tất cả pháp tuy đã đoạn trừ vô minh, nhưng do có vô minh nhiễm ô hoàn toàn không sinh, chứ không do tất cả chủng

loại không sinh. Vì sao? Vì các bậc Thánh nhân khác đối với pháp bất cộng của Như Lai và với cảnh giới khác về thời, xứ có vô biên sai biệt lâu xa, có vô minh làm nhiễm ô hoặc không nhiễm ô nên chỉ thể hiện hạnh tự lợi rất ráo.

Ca ngợi Phật xong, tiếp theo dùng công hạnh lợi tha viên mãn để ca ngợi Đức Thế Tôn.

Kệ nói: Cứu chúng sinh khỏi bùn sinh tử.

Giải thích: Vì sự sinh tử là chỗ vướng mắc, chìm đắm của thế gian, nên khó có thể vượt qua, thành thử dùng thí dụ là vũng bùn. Chúng sinh đang vướng mắc, chìm đắm ở trong bùn không ai cứu vớt, chỉ Phật, Thế Tôn, vì xót thương muốn độ thoát, nên truyền trao, thuyết giảng chánh pháp, ra tay cứu vớt hợp lý, là người tương ứng với công hạnh lợi ích cho mình và người khác.

Kệ nói: Đánh lễ Đại sư, giáo như lý.

Giải thích: Đầu, mặt áp sát chân, gọi là đánh lễ. Lập giáo không giả dối, gọi là Đại sư. Không trái ngược gọi là như lý. Lời nói được thiện, lìa ác, gọi là giáo. Thuyết minh giáo như lý này làm phương tiện tạo lợi ích cho người khác. Do như lý mà giáo hóa nên vào vũng bùn sinh tử cứu vớt chúng sinh chứ không dùng oai đức thi ân của thần thông v.v... Đánh lễ đại sư giáo như lý rồi thì muốn làm gì?

Kệ nói: Đối pháp Câu xá, con sẽ nói.

Giải thích: Pháp này mang tên chung là giáo diệt trừ, cứu giúp, còn tên riêng thì thế nào? Là A-tỳ-đạt-ma Câu-xá. Pháp nào gọi là A-tỳ-đạt-ma?

Kệ nói: Trí tịnh giúp đỡ gọi là Đối pháp.

Giải thích: Trí tức là trạch pháp, tịnh nghĩa là không có cấu uế, tức trí vô lưu (vô lậu). Hỗ trợ nghĩa là nhân duyên, tư lương.

Nếu vậy thì nói năm ấm vô lưu, gọi là A-tỳ-đạt-ma. Đây tức là A-tỳ-đạt-ma chân thật. Nếu nói về A-tỳ-đạt-ma giả danh:

Kệ nói: Có thể đạt các trí luận pháp này.

Giải thích: Tức là tư tuệ, văn tuệ, sinh đắc tuệ hữu lưu và luận trợ bạn, nghĩa là có thể truyền sinh trí vô lưu, là tư lương của trí vô lưu này, nên cũng gọi là A-tỳ-đạt-ma.

Nhân nơi nghĩa nào để lập tên này? Vì khả năng gìn giữ thể, tướng của chính nó, nên gọi là Đạt-ma. Hoặc vì Niết-bàn là tướng của pháp chân thật trong tất cả pháp, nên gọi là Đạt-ma.

Trí này đối với các pháp, vì hiện tiền đối với các pháp, nên gọi là A-tỳ-đạt-ma.

Sao luận này gọi là A-tỳ-đạt-ma Câu-xá?

Kệ nói: Do nghĩa đối pháp, nhập thâu này.

Giải thích: Câu văn của kệ kia gọi là A-tỳ-đạt-ma. Do thuận theo thẳng nghĩa nhập thâu luận này, thế nên, luận này đối với kệ kia được gọi là Tạng.

Kệ nói: Luận dựa Đối pháp, gọi là Câu-xá.

Giải thích: A-tỳ-đạt-ma là chỗ y chỉ của luận này. Vì sao: Vì từ trong pháp kia dẫn sinh luận này, pháp kia đối với luận này, cũng tiếp nhận tên Tạng.

Do nghĩa ấy, nên luận này gọi là A-tỳ-đạt-ma Câu-xá. Lại nữa, công dụng của pháp này là thế nào? Người nào trước đã nói pháp ấy, mà pháp sư cung kính định giải nói?

Kệ nói:

*Lìa lựa chọn pháp, lại không có
Vì Hoặc tĩnh lặng, phương tiện riêng
Thế gian do Hoặc trôi biển “hữu”
Vì đây truyền Phật, nói Đối pháp.*

Giải thích: Nếu lìa giác phần trách pháp thì sẽ không có phương tiện nào có khả năng diệt trừ các Hoặc. Các Hoặc có thể làm luân chuyển thế gian nơi biển sinh tử.

Do chánh nhân này, muốn cho đệ tử được pháp giản trách, nên Đại sư Phật, Thế Tôn, trước hết nói A-tỳ-đạt-ma. Nếu lìa các thuyết thích đáng này, đệ tử sẽ không thể lựa chọn pháp như thật. Đức Phật, Thế Tôn, ở nhiều nơi chốn đã nói rộng pháp này.

Các Thanh văn như Đại đức Ca-chiên-diên-tử v.v... đã tuyển tập sắp xếp, cũng như Đại đức Đạt-ma đa-la-đa đã tuyển tập loại bộ Ưu-đà-na, Già-tha, khi nghe luận sư Tỳ-bà-sa truyền nói như thế.

Những gì là các pháp? Là đối tượng được lựa chọn nhằm khiến cho người khác lựa chọn pháp kia, nên Đức Thế Tôn thuyết giảng A-tỳ-đạt-ma.

Kệ nói: Pháp hữu lưu, vô lưu (hữu lậu, vô lậu).

Giải thích: Lược nói tất cả pháp, tức là hữu lưu, vô lưu. Trong đây, gì là hữu lưu?

Kệ nói: Hữu vi trừ hữu lưu Thánh đạo.

Giải thích: Trừ đạo Thánh đế, pháp hữu vi còn lại được gọi là hữu lưu. Vì sao?

Kệ nói: Ở trong lưu, do miên tùy tăng.

Giải thích: Nếu có nghĩa như đây, thì các lưu duyên nơi hai đế

Diệt, Đạo làm cảnh khởi, ở đó không có miên, vì không tùy tăng, thế nên, trong ấy, không thể lập hữu lưu, vì trái với chất nạn, là nghĩa không miên. (Trong phẩm Phân Biệt Hoặc ở sau sẽ nói rõ)

Đã thuyết minh pháp hữu lưu xong.

Pháp vô lưu là gì?

Kệ nói:

Pháp vô lưu: Thánh đạo

Và ba thứ vô vi.

Giải thích: Những gì là ba vô vi?

Kệ nói: Hư không và hai diệt.

Giải thích: Hai diệt là những gì? Là trạch diệt và phi trạch diệt. Ba vô vi như không v.v... ấy và Thánh đạo gọi là pháp vô lưu. Vì sao? Vì ở đó, các lưu không thể là miên, nên lược nói.

Trong ba vô vi, cái gì là không?

Kệ nói: Không trong đây vô ngại.

Giải thích: Vì không lấy không chướng, không ngăn ngại làm tánh, nên sắc vận hành trong đó.

Kệ nói: Trạch diệt, nghĩa là vĩnh viễn lia.

Giải thích: Vĩnh viễn cùng lia với pháp hữu lưu, nói là trạch diệt, đều thường lựa chọn Thánh đế như khổ v.v..., gọi là trạch, tức nhân trội hơn của trí, chỗ đạt được lợi mình nầy gọi là trạch diệt. Nói đầy đủ, nên nói là “trạch sở đắc diệt”. “Vì nói lược, nên chỉ gọi là trạch diệt. Như xe tương ứng với bò, gọi là xe bò.

Tất cả hữu lưu là một trạch diệt, hay không là một? Không là một là thế nào?

Kệ nói: Mỗi mỗi đối các kết.

Giải thích: Như số lượng của kết, trạch diệt cũng thế. Nếu không như vậy, thì trạch diệt do chứng kiến khổ đoạn hoặc, tức nên cùng một thời điểm, đều cùng chứng trạch diệt tất cả Hoặc. Nếu vậy thì tu đạo đối trị khác sẽ hóa ra là không, không có hiệu quả.

Kinh Phật nói: “Trạch diệt không có đồng loại”. Lời nói nầy có nghĩa gì?

Trạch diệt không có nhân đồng loại, tức cũng không phải nhân đồng loại của người khác (ngoại đạo). Đây là nghĩa của kinh để nói Trạch diệt chứ không phải là không có đồng loại của nó.

Kệ nói:

Luôn ngăn dục sinh sinh.

Có riêng phi trạch diệt.

Giải thích: Có thể ngăn ngừa vĩnh viễn các pháp vị lai sinh, khác hẳn với trạch diệt có diệt riêng, gọi là phi trạch diệt, vì không do lựa chọn mà được.

Thế nào là “đạt được” (đắc)? Là nhân duyên không đủ. Ví như có người với ý thức và nhân căn duyên nơi một sắc trần khởi, vào thời điểm này, các sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v... khác đều có, mà tức liền lui về quá khứ tụ năm thức, không thể duyên nơi trần kia làm cảnh giới sinh lại. Vì sao? Vì năm thức không có công năng duyên nơi trần quá khứ làm cảnh, vì thế, thức v.v... có phi trạch diệt. Do nhân duyên không đủ, nên “đạt được” căn cứ nơi hai diệt, lập ra bốn luận chứng.

1. Có các pháp chỉ có trạch diệt. Nghĩa là quá khứ, hiện tại, quyết định sinh pháp hữu vi, đều là hữu lưu.

2. Có các pháp chỉ có phi trạch diệt. Nghĩa là không sinh là pháp hữu vi vô lưu.

3. Có các pháp có đủ hai diệt. Nghĩa là hữu lưu quyết định không sinh là pháp.

4. Có các pháp không có hai diệt. Nghĩa là quá khứ, hiện tại, quyết định sinh là pháp vô lưu.

Đã nói ba vô vi xong.

Trước kia đã nói pháp hữu vi trừ Thánh đạo, mệnh danh hữu lưu. Cái gì là hữu vi?

Kệ nói:

Lại, các pháp hữu vi

Là năm ấm như sắc.

Giải thích: Sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm.

Năm ấm này thâm tóm tất cả hữu vi. Vì đã có đối tượng tạo tác của nhân duyên tụ tập, nên gọi là hữu vi. Vì sao? Vì không có pháp nào không có duyên và một duyên mà được sinh, là vì chủng loại của pháp đó, nên ở vị lai không có ngăn ngại. Ví như Độc-đà.

Kệ nói:

Nói đường đời, ngôn y

Có lìa và có loại.

Giải thích: Các pháp hữu vi này, vì có đã, đang, sẽ vận hành, nên gọi là đường đời. Lại nữa, bị vô thường ăn nuốt (chi phối). Ngôn là phương ngôn. Đối tượng tương ứng của ngôn là danh nghĩa là chỗ dựa của ngôn (ngôn y). do ngôn chấp giữ có nghĩa nên Kinh Phật nói pháp hữu vi, gọi là ngôn y. Nếu không như vậy thì sẽ có trái nghịch nơi Luận phân biệt đạo lý nói ngôn y là nhập và mười tám giới.

Ra khỏi vĩnh viễn, gọi là lia, đó là Niết-bàn. Tất cả hữu vi đều có tính Niết-bàn, xuất ly vĩnh viễn, nên pháp hữu vi gọi là có lia, Niết-bàn là không lia. Pháp hữu vi gọi là có lia.

Vì có nhân, nên gọi là có loại. Loại là do nghĩa nhân (nguyên nhân).

Luận sư Tỳ-bà-sa tạo ra thuyết này. Như thế v.v... (Như thị đẳng) là còn nhiều tên gọi khác của hữu vi.

Lại nữa, pháp hữu vi này, như:

Kệ nói: Hữu lưu gọi là thủ ấm.

Giải thích: Hữu lưu này được bày rõ ra sao? Là hữu thủ, có thể nói là ấm hữu, nhưng ấm không phải thủ, nghĩa là hữu vi vô lưu. Trong đây, do Hoặc là thủ, vì ấm từ thủ sinh, nên gọi là thủ ấm, ví như lửa có, lửa cây lửa trấu. Lại nữa, vì theo đuổi, giữ lấy, ví như người vua. Lại nữa, các thủ vì từ ấm kia sinh, nên gọi là thủ ấm, ví như cây hoa, cây quả, là các pháp hữu lưu.

Kệ nói: Hoặc nói có tranh chấp.

Giải thích: Các Hoặc, gọi là tranh chấp, có thể làm loạn động các pháp thiện và vì gây tổn hại cho mình, người khác, nên là tranh chấp, là đối tượng của tùy miên, nên nói có tranh chấp, ví như hữu lưu.

Kệ nói: Thế gian Khổ, Tập đế.

Giải thích: Vì trái với ý Thánh nhân, nên gọi là khổ, vì khổ từ các kiến sinh, nên gọi là tập, vì bị hủy hoại, nên gọi là thế gian, vì có đối trị.

Kệ nói: Kiến, xứ và ba hữu.

Giải thích: Các kiến dựa vào trong các kiến để trụ, do vì tùy thuận tăng trưởng nên là kiến xứ. Chỉ vì hữu sinh ra hữu, nên gọi là hữu. Như ở đây nói pháp hữu lưu.

Như tên riêng của nghĩa ở trước đã nói. Năm ấm như sắc v.v... trong đây.

Kệ nói:

Sắc ấm là năm căn

Năm trần và vô giáo (vô biểu).

Giải thích: Năm căn nghĩa là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Năm trần là cảnh của năm căn như mắt v.v..., nghĩa là sắc, thanh, hương, vị, xúc và vô giáo (vô biểu sắc). Như lượng này gọi là sắc ấm. Ở đây là năm trần như sắc v.v... đã nói trước kia.

Kệ nói:

Thức này dựa sắc tịnh

Gọi đó là căn mắt...

Giải thích: Năm trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Năm chủng loại sắc tịnh, đối tượng nương tựa của thức, theo thứ lớp nên biết là căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Như Phật, Thế Tôn nói: “Mắt Tỳ-kheo là nhập nội, hợp với bốn đại hình thành, là loại tánh của sắc tịnh, nói rộng như đây”.

Lại nữa, trước đã nói năm căn nhãn mắt v.v... Sắc tịnh, mà Thức dựa vào gọi là nhãn căn v.v... là đối tượng nương tựa của thức, nghĩa ấy như thế. Nếu lập nghĩa này thì thuận với Luận Phân Biệt đạo lý. Luận kia nói: Cái gì là nhãn căn? Tức là sắc thanh tịnh, chỗ nương tựa của nhãn thức.

Đã nói năm căn xong. Tiếp theo nên nói năm trần. Ở đây:

Kệ nói: Sắc có hai.

Giải thích: 1. Hiện sắc; 2. Hình sắc. Hiện sắc có bốn thứ: xanh, vàng, đỏ, trắng. Sắc khác là bốn sắc này chưa biến dị. Hình sắc có tám thứ như dài v.v... Đối hợp là lại nói sắc nhập.

Kệ nói: Hoặc hai mươi.

Giải thích: Nghĩa là xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, vuông, tròn, cao, thấp, thẳng, vạy, mây, khói, bụi, sương mù, bóng, ánh sáng, sáng, tối.

Có sư khác nói: “Không” (hư không) là một sắc, nên có hai mươi mốt sắc. Trong đây, hình thẳng bằng là chánh, không thẳng bằng là tà. Hơi đất xông lên gọi là mù sương. Ánh sáng mặt trời gọi là ánh sáng. Trăng, sao, lửa, cỏ thuốc, ngọc báu, ánh chớp, gọi là ánh sáng. Ở đó, nếu sắc hiện rõ, gọi là sáng, trái với đấy, gọi là tối. Các sắc còn lại vì dễ hiểu, nên nay không giải thích.

Có sắc nhập, có hiện, không có hình như: xanh, vàng, đỏ, trắng, bóng, ánh sáng, sáng, tối.

Có sắc nhập có hình, không có hiện: như có một phần của dài v.v..., tức thân nghiệp hữu biểu sắc làm tướng.

Có sắc nhập, có hiện, có hình: như các sắc còn lại.

Có sư khác nói: Có sắc nhập, không có hình, không có hiện: như vô biểu sắc.

Có sư khác nói: Chỉ ánh sáng và sáng là có hiện, không có hình. Vì sao? Vì luôn thấy các sắc như xanh v.v... có sự khác biệt như dài v.v...

Thế nào là một vật có hai nhận biết về đối tượng duyên? Nếu hai sắc này hiện trong một trần thì nghĩa này không đúng. Đối với thân

nghiệp hữu biểu, thì trở thành có trở ngại trái nghịch

Đã thuyết minh sắc nhập xong.

Kệ nói: Thanh trần có tám thứ.

Giải thích: Có chấp nương tựa, không phải chấp nương tựa nơi bốn đại là nhân. Có tên gọi chúng sinh, không phải tên gọi chúng sinh, đó gọi là bốn thanh. Thanh này do sự khác biệt của đáng yêu và không đáng yêu, nên thành tám thứ.

Trong đây, có chấp nương tựa là nhân: Nghĩa là âm thanh của lời nói tay v.v... Chẳng phải chấp nương tựa là nhân nghĩa là tiếng như gió, cây, sóng v.v...

Có tên gọi chúng sinh: Nghĩa là tiếng nói có nghĩa. Khác với tiếng này là không phải tên gọi chúng sinh.

Có sự khác nói: Có âm thanh khác ngoài có chấp nương tựa, không phải chấp nương tựa nơi bốn đại là nhân, nghĩa là tay, trống hợp sinh. Ví như một hiển sắc Lân hư, không cho dựa vào hai thứ bốn đại sinh. Âm thanh này cũng nên như thế.

Đã thuyết minh thanh xong.

Kệ nói: Vị có sáu.

Giải thích: Nghĩa là sự khác biệt của các vị ngọt, chua, mặn, cay, đắng, lạt.

Kệ nói: Hương có bốn.

Giải thích: Nghĩa là sự khác biệt giữa mùi thơm, hôi, bình đẳng, không bình đẳng. Trong A-tỳ-đạt-ma nói hương có ba thứ: Thơm, hôi, bình đẳng.

Kệ nói: Xúc trần mười một thứ.

Giải thích: Xúc có mười một thứ, nên biết. Nghĩa là bốn đại và trơn, nhám, nặng, nhẹ, lạnh, đói, khát. (Bốn đại ở đây, sau sẽ nói)

Mềm mại, gọi là trơn, thô cứng là nhám. Có thể cân được, gọi là nặng, trái với nặng là nhẹ, khát ái của nóng là lạnh, khát ái của ăn là đói, khát ái của uống là khát. Vì đối với nhân lập tên quả, nên nói như vậy. Như Đức Phật đã nói kệ:

Chư Phật sinh hiện vui

Nói chánh pháp cũng vui

Đại chúng hòa hợp vui

Tụ tập xuất gia vui.

Trong cõi Sắc không có xúc đói, khát, chỉ có các xúc khác. Ở đó, áo của người kia nếu không thể đều cân được với bốn đại nhóm hợp tạo nên, thì cũng có thể cân được. Đối với người kia hoặc không có khả

năng tổn hại xúc lạnh, hoặc có khả năng tạo ích cho xúc lạnh. Người khác nói như ở đây.

Trước kia, đã nói sắc có nhiều thứ. Trong đây, có lúc do thấy một vật mà nhãn thức được sinh, nếu như trong thời điểm này, phân biệt một loại, sẽ có lúc do nhiều vật mà nhãn thức được sinh nếu như trong thời điểm này, không có sự phân biệt. Ví như đoàn quân có vô lượng hiển sắc, hình sắc và xa trông thấy mọi thứ báu, nên biết nhãn thức v.v... cũng thế. Thân thức nếu rất nhiều, do năm xúc sinh, tức là xúc bốn đại, thì thuận theo một xúc trơn v.v... trong các xúc. Có sự tạo ra lối chấp như đây.

Lại có sự khác nói: Đây đủ mười một xúc, sinh thân thức.

Nếu vậy thì duyên chung trần, cảnh chung là trần, năm thức phải thành tựu, không chỉ duyên biệt cảnh, mà năm thức đối biệt tướng của nhập làm cảnh. Nếu thừa nhận sự thức kia dùng biệt tướng làm cảnh mà không phải đối với biệt tướng của vật thì sự việc này có lỗi gì?

Nên tư duy nghĩa này: Hai căn thân, thiệt, cùng một thời điểm, trần đến, thức nào sinh trước? Tùy thuận trần mạnh mẽ, sẽ phát thức trước. Nếu trần bình đẳng đến, thiệt thức sẽ sinh trước vì ham muốn ăn đã dẫn dắt mạng tương tục.

Như đây, đã thuyết minh năm căn, năm trần và như thủ trần xong. Nay sẽ nói vô giáo sắc (vô biểu sắc):

Kệ nói:

*Tâm loạn và vô tâm
Tùy lưu tịnh, bất tịnh
Y chỉ nơi bốn đại,
Thuyết vô giáo thế nào.*

Giải thích: Duyên khác, gọi là tâm loạn. Nhập định vô tướng và định diệt tâm, gọi là vô tâm. Nhằm làm rõ không phải tâm loạn, và có tâm. Là giống với trạng thái nối tiếp nhau, hoặc đều cùng có, hoặc vì có sau, nên gọi là tùy lưu. Thiện gọi là tịnh, ác gọi là bất tịnh, cho đến nối tiếp nhau của chứng đắc cũng thế.

Vì phân biệt đây khác với kia, nên nói nương dựa nơi bốn đại. Sư Tỳ-bà-sa nói: Sự nương dựa lấy nhân làm nghĩa, bốn đại là vô giáo. Vì năm nhân như sinh v.v... “muốn làm sáng tỏ lập danh là nhân nên nói thế nào” Pháp này dù lấy nghiệp có sắc làm tánh, nhưng không như sắc hữu biểu, có thể khiến cho người khác biết, nên gọi là vô giáo. Hiển bày sự khác nói, nên gọi là thuyết. Nếu lược nói sắc hữu giáo (hữu biểu sắc) thì sắc của tánh thiện, ác do Tam-ma-đề sinh ra gọi là vô giáo (vô

biểu sắc).

Trước đã nói nương dựa bốn đại. Những gì là bốn đại?

Kệ nói:

*Các đại, là giới địa
Và giới thủy, hỏa, phong*

Giải thích: Như bốn đại này có thể duy trì tự tướng và vì do sắc tạo, nên gọi là giới.

Sao bốn giới gọi là đại? Vì tất cả sắc khác đều nương dựa, vì đối với bốn đại kia trở thành thô, nên gọi là đại.

Lại nữa, vì rất đầy khắp, khởi hình lượng đại trong tự địa, thủy, hỏa, phong.

Lại nữa, vì có thể mở mang rộng thêm tất cả vật có sắc sinh và vì có thể tạo ra việc to lớn ở thế gian, nên gọi là đại.

Lại nữa, giới như địa v.v... này được hình thành ở trong nghiệp nào? Tự tánh nó là gì?

Kệ nói: Gìn giữ cùng nghiệp thành.

Giải thích: Gìn giữ trội hơn, hòa hợp, thâm tóm, thành thực, dẫn sinh, tăng trưởng. Ở trong bốn nghiệp, thứ lớp hoàn thành giới địa, thủy, hỏa, phong, vì di chuyển tăng ích, nên gọi là dẫn sinh tăng trưởng. Đó gọi là tự tánh của nghiệp bốn đại, nghĩa là thứ lớp.

Kệ nói: Tánh cứng, ướt, nóng, động.

Giải thích: Giới đất, lấy chất cứng làm tánh. Giới nước, lấy sự ẩm ướt làm tánh. Giới lửa, lấy nóng làm tánh. Giới gió, lấy lay động làm tánh. Dẫn các đại nối tiếp nhau, khiến sinh chỗ khác, như thổi cho đèn sáng, gọi là động.

Luận Phân Biệt đạo lý nói: Giới gió là sao? Đó là chạm xúc nhẹ. Kinh nói cũng thế. Hoặc nói sự chạm xúc nhẹ là sắc đã tạo. Pháp này vì lấy sự lay động làm tánh quyết định, nên nói sự lay động là giới gió, tức dùng nghiệp để biểu thị tự tánh của gió.

Lại nữa, địa v.v... và giới địa v.v..., nghĩa khác thế nào?

Kệ nói:

*Nói địa hiển, hình sắc
Do đời lập danh tướng
Nước, lửa cũng như thế.*

Giải thích: Nếu người đời muốn chỉ rõ đại địa của người khác hiện hữu, thì chỉ cho biết về hiển sắc, hình sắc. Như chỉ rõ đại địa hiện hữu thủy, hỏa đại cũng như thế. Chỉ rõ cho biết hiển sắc, hình sắc, nên dựa vào danh tướng giả lập ở thế gian.

Nói sắc nhập là ba đại như địa thủy, hỏa.

Kệ nói: Chỉ giới gió.

Giải thích: Giới gió này, người đời nói là gió.

Kệ nói: Cũng thế.

Giải thích: Như người đời tạm nói hiển sắc, hình sắc là đại địa. Nói gió cũng thế, hoặc nói gió đen, hoặc nói gió cuộn.

Sao nói là vô giáo, về sau, ấm này gọi là sắc?

Vì hiện rõ sự đổi thay, hủy hoại. Phật, Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo, do pháp này biến hoại, vì biến hoại nên nói là sắc thủ ấm. Pháp nào thường biến hoại? Do sự chạm xúc của tay v.v... nên biến hoại (nói rộng như kinh). Vì có đối ngại, nên có thể biến hoại”.

Lại nữa, trong nghĩa bộ kinh nói:

*Người cầu được dục trần
Nhiễm vướng mắc khát ái
Nếu mong cầu không thành
Hy kia như bị đâm.*

Lại nữa, sư khác nói: Sắc này là do sự biến hoại của cõi Dục Sắc sinh ra và vì đối ngại, nên gọi là sắc.

Nếu vậy, sắc lân hư, lẽ ra không thành sắc, vì không thể biến hoại. Lời nói này không phải là vấn nạn. Sắc lân hư không thể trụ một mình, không hòa hợp. Nếu có hòa hợp trụ, thì có thể biến hoại.

Nếu vậy thì sắc quá khứ, vị lai không nên thành sắc. Vì sắc này cũng đã biến hoại, nên biến hoại, do tánh biến hoại giống nhau, như củi là đối tượng để đốt.

Nếu vậy, vô biểu sắc, không nên thành sắc? Chúng cũng do sự biến hoại, nên nó cũng đồng biến hoại, như cây lay động thì bóng lay động. Nghĩa này không đúng, vì vô biểu sắc, không có sự biến hoại.

Nếu vậy, có giáo dứt diệt, vô giáo lẽ ra cũng dứt diệt, như cây diệt, bóng diệt.

Lại có sư khác nói: Vì nương dựa nơi sự biến hoại, nên vô biểu sắc cũng biến hoại.

Nghĩa này không đúng. Nếu vậy, nhãn thức v.v... do y chỉ nơi sự biến hoại, lẽ ra cũng thành sắc. Thế nên, ông chấp không thể bằng đẳng được. Tuy nhiên có khác. Vì sao? Vì vô biểu sắc dựa vào bốn đại sinh, như bóng dựa vào cây sinh, ánh sáng dựa vào vật báu sinh. Thức của mắt v.v... thì không dựa vào căn như mắt v.v... mà sinh như vậy. Các căn hoàn toàn chỉ là căn mắt v.v... làm sinh nhân cho Thức. Lối chấp này không phải là nghĩa của Tỳ-bà-sa, tức là dựa vào cây, bóng

sinh, dựa vào vật báu, ánh sáng sinh.

Sư kia nói: Bóng v.v... hiển sắc, Lân hư mỗi đều y chỉ nơi bốn đại riêng của chúng. Nếu thật sự như đây, tức bóng, dựa vào cây ánh sáng dựa vào, vật báu sinh thì vô biểu sắc, không nên đồng với chỗ nương dựa này. Vì sao? Vì đối tượng nương tựa của vô biểu sắc là bốn đại đã mất.

Sư kia không thừa nhận vô biểu sắc thuận theo diệt. Thế nên, lối chấp này không thành tựu nghĩa bào chữa.

Lại có sư khác lập riêng nghĩa bào chữa nói: chỗ nương dựa các nhãn thức v.v..., đều có khác biệt. Chỗ nương dựa biến hoại, như mắt v.v... có nương dựa không biến hoại, như ý thức v.v... Sự nương dựa của vô biểu sắc đã không như vậy, thì vấn nạn này sẽ không bình đẳng. Thế nên, nghĩa này phải như thế. Do có thể biến hoại, nên gọi là sắc ấm, là pháp trước đã nói.

Kệ nói:

*Sắc ấm gọi là tánh.
Căn trần này, lại nói
Mười nhập và mười giới.*

Giải thích: Nếu an lập môn Nhập, thì thuộc về mười Nhập. Nghĩa là nhãn nhập, sắc nhập, cho đến thân nhập, xúc nhập. Nếu an lập môn Giới, thì thuộc về mười Giới, nghĩa là giới mắt, giới sắc, cho đến giới thân, giới xúc.

Đã thuyết giảng về sắc ấm và an lập Nhập, Giới xong. Tiếp theo đây sẽ thuyết minh các ấm như thọ v.v... Trong đây:

Kệ nói: Thọ ấm, lãnh theo xúc.

Giải thích: Có ba thứ nhận lãnh thuận theo xúc, được gọi là thọ ấm. Ba thứ đó là: Có thể nhận lãnh thuận theo xúc vui, khổ, không vui không khổ, gọi là ba thọ.

Lại nữa, nếu phân biệt thọ này, sẽ trở thành tụ sáu thọ, nghĩa là thọ được sinh ra do xúc nhãn, cho đến thọ do xúc ý sinh.

Kệ nói: Tưởng ấm chấp riêng tướng.

Giải thích: Chấp tướng khác biệt: màu xanh, vàng, dài, ngắn, nam nữ, thân, oán, đó gọi là tưởng ấm.

Lại nữa, nếu phân biệt tưởng này, thì sẽ có sáu như thọ.

Kệ nói: Khác bốn, gọi là hành ấm.

Giải thích: Trừ bốn ấm: sắc, thọ, tưởng, thức, pháp hữu vi còn lại được gọi là hành ấm. Trong kinh, Đức Phật, Thế Tôn nói: “Sáu tụ cố ý, gọi là hành thủ ấm”.

Đây là nói do sự vượt trội hơn, nên tụ cố ý này vì là tánh nghiệp, nên trội hơn ở trong tạo tác. Đức Phật, Thế Tôn nói: “Có thể tạo công dụng sinh khởi pháp hữu vi, nên nói đây là hữu hành thủ ấm. Nếu không như vậy, thì tâm pháp khác và pháp bất tương ưng sẽ không thuộc về ấm, thì không thể lập làm Khổ đế, Tập đế, đối với ấm kia, cũng không thể lập là nên biết hay nên ly khai”.

Đức Phật, Thế Tôn nói: “Ta không nói chưa nhận thấy, chưa đi suốt qua một pháp quyết định đến giới hạn sau cùng của khổ, chưa loại trừ, chưa diệt cũng vậy. Thế nên, các pháp hữu vi đều được thu tóm vào hành ấm, nên tin nghĩa này”.

Kệ nói: Là ba ấm như thọ.

Giải thích: Nghĩa là ba ấm: thọ, tưởng, hành
Nếu an lập làm Nhập và giới.

Kệ nói:

Hoặc gọi pháp nhập, giới
Và vô biểu, vô vi.

Giải thích: Bảy thứ pháp này, được gọi là pháp nhập và pháp giới.

Kệ nói: Thức ấm đối, đối xem.

Giải thích: Với ý, thức tâm đối với các trần, gọi là thức ấm.

Lại nữa, nếu phân biệt thức này, sẽ trở thành tụ sáu thức: Là nhãn thức cho đến ý thức, là thức ấm đã nói.

Nếu an lập Nhập, kệ nói: Hoặc nói là ý nhập

Giải thích: Nếu an lập giới, thì kệ nói: Hoặc nói là bảy giới.

Giải thích: Những gì là bảy ?

Kệ nói: Là sáu thức, ý căn.

Giải thích: Nhãn thức giới cho đến ý thức giới và ý giới, năm ấm ở trong đây, đã nói là mười hai nhập và mười tám Giới. Trừ vô biểu sắc, còn sắc ấm, được lập thành mười nhập, mười giới. Thọ, tưởng, hành ấm vô biểu, vô vi, được lập làm pháp nhập, pháp giới, là thức ấm, tức là ý nhập và sáu thức giới, và ý giới, là không như đây chăng? Trước kia, đã nói chỉ sáu thức là thức ấm.

Nếu vậy thì khác với sáu thức này, pháp nào gọi là ý giới?

Không có ý giới riêng, khác với sáu thức. Tuy nhiên là trong các thức.

Kệ nói:

Vô gián dứt trong sáu

Nói thức, gọi là ý căn.

Giải thích: Trong sáu thức, tùy theo một thức vô gián diệt, thức này gọi là ý giới. Ví như một người, trước làm con, sau làm cha. Lại, như trước là quả, sau trở thành hạt giống. Thức cũng như thế, trước làm sáu thức, sau trở thành ý giới.

Nếu vậy, vật thật chỉ mười bảy giới, hoặc mười hai giới. Vì sao? Vì sáu thức giới và ý giới hỗ tương thâm tóm nhau.

Nếu vậy, làm sao an lập làm mười tám giới. Tuy nhiên:

Kệ nói:

Vì thành y thứ sáu

Nên giới thành mười tám.

Giải thích: Giới của năm thứ thức này, dùng năm giới như nhãn v.v... làm chỗ nương dựa. Giới của ý thức thứ sáu không có sự nương dựa riêng, vì thành lập chỗ nương dựa này, nên nói là ý giới. Do an lập như đây, vì dựa vào ba, sáu cảnh giới của chủ thể nương tựa, nên giới trở thành mười tám.

Nếu vậy thì tâm sau cùng của A-la-hán lẽ ra không phải ý giới. Không có thức ở đời sau, vì đời này thức vì vô gián này diệt, nên trở thành ý giới. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì đời này đã trụ trong tánh ý, nên nhân duyên không đủ, thành thử thức đời sau không sinh.

Trong đây, do ấm thâm tóm tất cả hữu vi, do thủ ấm thâm tóm tất cả hữu lưu, do nhập, do giới đã thâm tóm hết tất cả pháp, nên biết, tất cả các pháp lại có lược thâm tóm.

Kệ nói:

Lược thâm tóm các pháp

Do một ấm, nhập, giới.

Giải thích: Trong ấm do sắc ấm, trong nhập do ý nhập, trong giới do pháp giới. Nên biết thâm tóm hết tất cả pháp, ở mỗi mỗi chỗ, Như Lai đều nói thâm tóm, nghĩa ấy nên biết như ở đây.

Kệ nói: Vì đồng loại tự tánh.

Giải thích: Sự thâm tóm này, do tương ứng với đồng loại tánh, không do tánh dị biệt. Vì sao?

Kệ nói: Lìa loại tánh pháp khác.

Giải thích: Các pháp với tánh tách lìa tánh pháp khác, thì không tương ứng nhau. Thế nên sẽ không do tánh người này được thâm tóm tánh khác. Ví như nhãn căn do sắc ấm, do nhãn nhập, nhãn giới, thuộc về. Hai đế Khổ, Tập. Vì tánh đồng, nên không do ấm khác v.v..., và không tương ứng với tánh kia.

Nếu vậy, có chỗ nói: Do pháp khác thâm tóm pháp khác. Ví như

do bốn loại Nhiếp, thâm tóm tắt cả chúng sinh?

Sự thâm tóm này không thường xuyên, nên biết là giả danh.

Do đâu không thành hai mươi một giới? Vì sao? Vì mắt, tai, mũi, mỗi căn đều có hai, nên không phải như thế. Vì sao?

Kệ nói:

Vì đồng loại cảnh, thức.

Dù hai thành một giới.

Giải thích: Đồng loại ở đây là hai mắt, đồng loại tánh (thấy). Cảnh đồng: Hai mắt này đồng duyên nơi sắc. Thức đồng: Hai mắt này hợp chung làm chỗ dựa cho một nhãn thức. Thế nên, căn mắt dù là hai, nhưng chung thành một giới. Đối với tai, mũi, nên biết cũng thế.

Kệ nói:

Nếu vậy, sao là hai?

Vì trang nghiêm, sinh hai.

Giải thích: Nếu thật sự một giới như mắt v.v... này, làm sao xuất sinh hai? Vì làm chỗ dựa cho sự trang nghiêm. Nếu không như vậy, thì một mắt, tai, một chỗ nương tựa sinh, một mũi một lỗ sinh, thân này trở nên rất xấu xí. Nghĩa này không đúng, vì nếu xưa nay như thế, và mèo, chồn, chim yểng v.v... sinh hai mắt, tai, mũi, đâu có trang nghiêm? Nếu vậy, sinh hai để làm gì? Vì hỗ trợ thành thức, như người nhắm một mắt, mở một mắt, hoặc mở nửa mắt, nhắm một mắt, trông thấy sắc, đều không sáng rõ. Vì trang nghiêm và thức khiến cho thành tựu nên ba căn đều cần hai xứ.

Đã thuyết minh ấm, nhập, giới xong. Nay sẽ nói về nghĩa của ấm, nhập, giới. Nghĩa của ấm, nhập, giới thế nào?

Kệ nói:

Nghĩa tụ của đến tánh.

Ba tên ấm nhập giới.

Giải thích: Ấm thuận theo sắc đã có, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, tế, hoặc xấu xí, hoặc xinh đẹp, hoặc xa gần, tất cả sắc này đều thâm tóm một xứ tụ, được gọi là sắc ấm. Do đây, kinh nói: Ấm do nghĩa tụ, nghĩa này được thành.

Trong ấy, sắc quá khứ: do vô thường đã diệt, Sắc vị lai chưa sinh, Sắc hiện tại đã sinh chưa diệt. Đối với tự nối tiếp nhau là trong, khác với trong này là ngoài. Hoặc do nhập cho là trong, ngoài. Có ngăn ngại là thô, không có ngăn ngại là tế. Hoặc do đối đãi nhau nên cho là thô tế.

Nếu ông nói: Hoặc do đối đãi nhau, thì thô tế không thành.

Nghĩa này không đúng, vì do đối đãi khác nhau. Nếu sắc này đối đãi với sắc kia trở thành thô, thì không có phương tiện đối đãi với sắc kia thành tế. Ví như cha con, có nhiệm ô là xấu xí, không có nhiệm ô là xinh đẹp.

Quá khứ, vị lai là xa, hiện tại là gần, cho đến thức ấm cũng thế. Lại có sự khác biệt: Chỗ dựa của năm căn là thô, chỗ dựa của tâm là tế.

Luận sư Tỳ-bà-sa căn cứ ở địa thay đổi để cho là thô, tế.

Đại đức nói: Đối tượng duyên của năm căn là thô, khác với thô này là tế. Không phải đáng yêu gọi là xấu xí, đáng yêu gọi là xinh đẹp. Chỗ không thể thấy là xa, chỗ có thể trông thấy là gần. Quá khứ thì tên gọi đã rõ, không cần giải thích riêng. Nên biết thọ v.v... cũng thế. Do thuận theo sự nương dựa, nên có xa, gần. Về nghĩa thô, tế, như trước đã nói.

Nhập: là nghĩa cánh cửa đi đến của tâm, tâm pháp. Hoặc nói là nghĩa đến tăng trưởng, có thể làm tăng trưởng tâm và tâm pháp đến.

Giới: nghĩa riêng khác, như ở chỗ một quả núi, có nhiều sự khác biệt như sắt, đồng, vàng, bạc v.v... nên nói là giới. Trong một chỗ dựa như đây, hoặc trong sự nối tiếp nhau, có mười tám thứ khác biệt, nói là mười tám giới. Ở đây, riêng dùng nghĩa gốc. Gốc, nghĩa là nhân đồng loại, mười tám pháp này là sự nối tiếp nhau của đồng loại, là nhân đồng loại nên nói là riêng khác.

Nếu vậy vô vi tức không phải giới. Nghĩa này không đúng, vì đây là tâm và tâm pháp, là nhân đồng loại.

Lại có sự khác nói: Giới là nghĩa chủng loại. Chủng loại của các pháp có mười tám, nghĩa là tự tánh, nên nói tên giới. Nếu ấm do nghĩa tụ tập thì ấm nên là giả danh, vì có nhiều vật tụ tập. Ví như người và đám đông. Nghĩa này không đúng, vì một vật lân hư được mang tên ấm.

Nếu vậy, không nên nói ấm do nghĩa tụ. Vì sao? Vì một vật không có nghĩa tụ.

Lại có sự khác nói: Có thể gánh vác sự việc, là nghĩa ấm.

Lại có sự khác nói: Phần phần là nghĩa ấm. Vì sao? Vì như có các thuyết nói: “Ta nên chuyển biến vật của ba ấm”. Lối chấp này không tương ứng với kinh. Vì sao? Vì kinh chỉ nói tụ là nghĩa ấm. Như kinh nói: Thuận theo sắc đã có, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại v.v... nói rộng như kinh.

Nếu ông nói: Tùy theo nghĩa của một sắc ấm quá khứ v.v... thì

ở trong kinh, nên biết. Thế nên, tất cả sắc quá khứ v.v..., mỗi mỗi đều gọi là sắc ấm. Không nên tạo ra chấp như đây, vì tất cả sắc đều là thâu tóm một xứ tụ, nên nói là ấm. Do thuyết này nói, thế nên, các ấm giả danh có như tụ.

Nếu vậy các nhập có sắc, đối với ông, lẽ ra phải trở thành giả danh có. Vì sao? Vì nhiều Lân hư như mắt v.v... đều trở thành nghĩa “cửa đi đến” (Nhận). Nghĩa này không đúng, vì trong tụ tập, mỗi mỗi đều trở thành nhân.

Lại nữa, vì cùng với trần chung tạo tác, nên căn cũng không phải mười hai nhập. Cho nên trong Tỳ-bà-sa nói: Sư A-tỳ-đạt-ma nói: Nếu xem ấm là giả danh mà nói, thì sẽ nói như lân hư này, nghĩa là một giới, một nhập, một ấm, một phần. Không xem là giả danh thì nói như lân hư này, nghĩa là một giới, một nhập, một ấm. Trong đây, đối với một phần, giả nói phần đủ, ví như một phần của chiếc áo bị đốt, nói là áo bị đốt.

Lại nữa, do môn như ấm v.v... tạo ra ba thứ, sao Đức Thế Tôn chính thức nói chúng đệ tử như thế?

Kệ nói:

*Vì căn si ưa ba
Nên nói ấm, nhập, giới.*

Giải thích: Sư A-tỳ-đạt-ma nói như vậy: Chúng sinh ngu si có ba hạng:

1. Có các chúng sinh đối với tâm pháp không sáng suốt, vì chấp tụ là ngã.

2. Có các chúng sinh không sáng suốt đối với sắc.

3. Có các chúng sinh không sáng suốt đối với sắc tâm.

Về căn cũng có ba hạng: nhạy bén, trung bình, chậm lụt.

Về ưa thích cũng có ba thứ: ưa văn, lược, trung bình và rộng, vì ba hạng người này, theo thứ lớp nói ba, nghĩa là ấm, nhập, giới.

Lại có nhân gì, tất cả tâm pháp khác, Đức Phật Thế Tôn sắp đặt trong một Hành ấm, chia hai pháp Thọ, Tưởng, lập riêng là ấm?

Kệ nói:

*Căn tranh nhân sinh tử
Lập nhân theo thứ lớp
Thọ, tưởng trong tâm pháp
Chia lập là ấm riêng.*

Giải thích: Căn tranh có hai:

1. Tham, vương mắc dục trần.

2. Tham vương mắc các kiến.

Theo thứ lớp hai pháp thọ, tưởng là nguyên nhân mạnh của hai thứ tranh này: Do chúng sinh vướng mắc thọ nhận vị, thế nên chấp vướng nơi dục trần. Do thuận theo tưởng điên đảo, khởi chấp vướng mắc các kiến.

Hai pháp thọ, tưởng là nhân thù thắng của sinh tử. Vì sao? Vì chúng sinh tham vướng nơi thọ, khởi tưởng trái ngược, luân chuyển nơi sinh tử. Lại có nhân vì lập theo thứ lớp (văn sau sẽ nói).

Trong đây, do nhân thứ lớp này, phân chia hai pháp thọ, tưởng để lập riêng làm ấm, nên biết như vậy. Nhân này được thiết lập trong thứ lớp, nên sẽ nói sau.

Lại nữa, thế nào là thuyết minh vô vi ở trong giới, nhập, không nói trong ấm?

Kệ nói:

*Trong ấm, trừ vô vi
Vì nghĩa không tương ứng.*

Giải thích: Nếu thuyết minh ba vô vi ở trong năm ấm, sẽ không thể an lập để cho phù hợp với ấm. Vì sao? Vì nghĩa không tương ứng với ấm.

Không tương ứng là sao?

Vì vô vi này an lập trong sắc, phi sắc, cho đến phi thức, không thể nói là ấm thứ sáu. Vì sao? Vì không thích ứng với nghĩa ấm. Ấm là nghĩa nhóm hợp, trước đây đã nói. Như sắc v.v... khác với vô vi không có quá khứ, vị lai, hiện tại v.v...

Do tất cả sự dị biệt này đều thấu tóm một xứ tụ, có thể lập một ấm vô vi. Vì biểu thị sự nương dựa nơi nhiễm ô, nên nói là thủ ấm, vì chỉ bày rõ sự nương tựa của nhiễm ô, thanh tịnh, nên nói là ấm. Hai nghĩa này ở trong vô vi, không có nghĩa nguyên do, không tương ứng, nên ở trong ấm không lập vô vi. Như chiếc bình bể, không phải là bình, như ấm diệt hoại này, không thể lập làm ấm.

Sư khác nói như vậy: Nếu tạo ra chấp này, sẽ trở thành trở ngại phản tính chất trong giới nhập.

Đã thuyết minh về nghĩa riêng của các ấm.

Kệ nói:

*Lại, thứ lớp như vậy
Nghĩa giới, đồ dựng nhiễm.*

Giải thích: Sắc có tánh ngăn ngại, rất thô trong tất cả. Tưởng hành thọ trong Vô sắc là thô, nên thế gian có người nói: Tay ta đau, chân ta đau. Tưởng thô ở cả hai. Vì sự khác biệt giữa nam và nữ là dễ

phân biệt, nên đối với thức hành là thô, vì tướng dục, giận dữ v.v... dễ phân biệt. Ở đây thức là rất vi tế, do tự tánh khó phân biệt, thế nên, rất thô nói ở trước.

Lại nữa, nam, nữ sinh tử từ vô thủy, yêu thích về sắc lẫn nhau, do tham vướng vị ái. Sự tham này do tưởng điên đảo, sự điên đảo này do phiền não, phiền não ấy được sinh từ tâm nhiễm ô, như đây nhiễm lập làm thứ lớp.

Lại nữa, do nghĩa như đồ đựng v.v... lập thứ lớp. Như đồ đựng thức ăn, thịt cá, người đầu bếp đã ăn. Năm ấm như sắc v.v... cũng vậy.

Lại nữa, hoặc do giới lập thứ lớp, dục trần của cõi Dục được sắc làm rõ. Thọ của các định được sáng tỏ. Tưởng của ba cõi Vô sắc được hiển hiện, Hữu danh chỉ do hành đã hiển bày, bốn thức này tức là thức trụ. Thức ở trong bốn thức có khả năng nương trụ, theo thứ lớp của ấm này. Vì chỉ bày rõ nghĩa thứ lớp của hạt giống, thừa ruộng, thế nên chỉ lập năm ấm không nhiều, không ít. Do đấy, lập nhân thứ lớp. Ở trong hành phân thọ và tưởng, được lập riêng làm ấm. Vì thọ, tưởng này rất thô. Theo thứ lớp nhân nhiễm ô, thì thọ, tưởng, giống như ăn thịt, cá có thể biểu thị rõ ở hai cõi, nên lập riêng làm ấm.

Sáu thứ như nhãn v.v... trong nhập, giới, lẽ ra phải nói là thứ lớp. Vì sao? Vì do thuận theo thứ lớp của trần và thức dễ nhận biết nên sáu thứ như nhãn v.v... này được lập.

Kệ nói: Vì năm hiện trần trước.

Giải thích: Năm căn như nhãn v.v... duyên nơi trần hiện tại, thế nên nói trước. Cảnh giới của ý căn không nhất định. Có ý căn duyên nơi trần hiện tại, có ý căn duyên nơi ba đời hoặc chẳng phải trần của ba đời.

Kệ nói: Trần được tạo của bốn (bốn căn : mắt, tai, mũi, lưỡi).

Giải thích: Trước nói đã truyền đến bốn trong năm căn này, thì sắc được tạo là trần. Trần của thân không quyết định, hoặc thân duyên nơi bốn đại, hoặc duyên nơi chỗ tạo, hoặc lại đều cùng duyên.

Kệ nói: Việc xa nhanh rõ khác.

Giải thích: Khác là bốn căn trước, theo thứ lớp của năm căn này, nên nói trước. Do việc xa, nhanh rõ. Mắt tai có thể duyên nơi cảnh xa. Đối với hai căn sau, nên nói trước. Trong hai căn trước, tức là mắt và tai thì mắt có tính chất xa nhất. Như xa trông thấy sông nhưng không nghe tiếng. Căn tại có tính chất nhanh như trước thấy người đánh trống sau mới nghe tiếng. Mũi, lưỡi không có tính chất xa. Mũi có tính chất nhanh nên nói trước: Như thức uống ăn chưa đến lưỡi, thì mũi đã ngửi biết mùi

hương rồi. Lại, tính chất của mũi là phân biệt rõ, có thể duyên nơi vị, mùi tinh tế. Lưỡi thì không như thế.

Kệ nói: Lại, theo thứ lớp xứ.

Giải thích: Lại nữa, nhãn căn ở trong thân nương dựa ở trên, nhĩ căn ở dưới, mũi lại ở dưới tai, lưỡi lại ở dưới mũi, thân phần nhiều ở dưới lưỡi. Ý căn nương dựa ở đó, vì không có chỗ chuẩn đích, nên như xứ sở, lập thứ lớp của xứ kia.

Lại nữa, do đâu mười nhập đều thuộc về sắc ấm? Ở đây, chỉ một nhập gọi là sắc nhập. Tất cả nhập đều lấy pháp làm tự tánh, trong đó, chỉ có một nhập gọi là pháp nhập.

Kệ nói:

*Vì phân biệt pháp trội
Thâu tóm nhiều pháp hơn
Chỉ một nhập, gọi là sắc
Và một nhập gọi là pháp.*

Giải thích: Thế nào là phân biệt, muốn khiến cho biết, như mười pháp này đều được mang tên nhập? Do thành lập là căn, trần, nên không cần tụ tập. Lại do sự khác biệt của nhãn v.v... là sắc, không được mang tên mắt v.v... cũng là tánh của sắc, nên biết là sắc nhập, do đó không lập tên riêng này.

Lại nữa, sắc nhập vì trội hơn trong đó. Vì sao? Vì tính chất có ngại mạnh, như dùng tay chạm xúc vật, tức là biến đổi, hủy hoại.

Lại nữa, thể, tướng hiện rõ ở chỗ này, chỗ kia, vì dễ chỉ thị, có ảnh tương tự.

Lại nữa, thế gian đồng biết, nói nhập này là sắc, biết không phải nhập khác. Vì phân biệt, nên nói một nhập, gọi là pháp nhập, không nói nhập khác.

Lại nữa, ở trong pháp nhập, thâu gồm nhiều pháp như thọ v.v..., vì thuyết minh nhiều pháp, nên lập tên chung.

Lại nữa, Niết-bàn là pháp nhập tối thắng, thâu tóm trong đây, vì không phải ở nhập khác, nên tiếp nhận riêng tên pháp.

Lại có sư khác nói: Hai mươi thứ phẩm loại, đa số sắc khác, là cảnh của ba thứ: nhục nhãn, thiên nhãn và Phật nhãn.

Lại pháp hữu dư ấm, nhập, giới đồng tên, ở trong kinh khác đã chỉ bày rõ.

Do ba môn này thâu tóm pháp kia đều hết hay không hết ; Do sự thâu tóm này là tận, rốt ráo.

Trong đây:

Kệ nói:

*Như Lai nói pháp ấm
Số ấy tám mươi ngàn
Đây chỉ ngôn và danh
Thuộc về Sắc, hành ấm.*

Giải thích: Các sư Hữu bộ chấp: Chánh giáo của Phật lấy ngôn, âm làm tánh. Đối với sư này thì nhập thuộc về sắc ấm.

Lại các sư Hữu bộ chấp: Văn cú (danh) làm tánh. Ở sư này thì nhập là thuộc về hành ấm.

Vậy về số lượng của pháp ấm này ra sao?

Kệ nói: Nói như lượng pháp ấm.

Giải thích: Các sư Hữu bộ thuyết minh: Có một phần A-tỳ-đạt-ma mang tên là pháp ấm, với số lượng ấy có sáu ngàn kệ. Mỗi một pháp ấm trong tám mươi ngàn kệ, số lượng ấy đều như thế.

Lại có các sư Hữu bộ nói:

Kệ nói: Mỗi một giáo như ấm.

Giải thích: Ấm, nhập, giới, duyên sinh, đế, định thực, vô lượng Vô sắc giải thoát chế nhập biến nhập, giác trợ thông suốt cả trí nguyện không ngăn ngại với chánh giáo tùy thuận mỗi mỗi đều gọi là pháp ấm.

Kệ nói:

*Thật định đối trị hành
Tùy giải thích pháp ấm.*

Giải thích: Các sư thật sự phán quyết như đây: Chúng sinh có tám vạn loại hành phiền não, gọi là dục, sân, nghi, mạn v.v... khác biệt.

Vì đối trị hành này nên Đức Thế Tôn đã thuyết minh tám vạn pháp ấm. Như tám vạn pháp ấm, thấu đối với nhập trong năm ấm tức thuộc về sắc ấm, hành ấm.

Kệ nói:

*Ngoài như đây, theo lý
Ấm, nhập cùng với giới
Thâu tóm trong thuyết trước
Nghĩ kỹ loại tánh kia.*

Giải thích: Nếu ấam nhập giới v.v... như đây, nghĩa ở nơi kinh khác đã nói, hoặc tức như trước đã nói: Trong ấam, nhập, giới thuận theo tánh loại của chúng. Trong luận này nói, đều phù hợp khéo chọn lựa, thâu tóm. Ở đây có phân biệt năm ấam riêng, nghĩa là giới ấam, định, tuệ, giải thoát, giải thoát trí kiến ấam. Giới ấam, nhập thuộc sắc ấam, bốn nhập còn

lại thuộc về hành ẩm.

Lại có mười biến nhập. Tám biến nhập trước lấy vô tham làm tánh, thuộc về pháp nhập. Nếu loại bạn chung, lấy năm ẩm làm tánh, thì thuộc về hai nhập: ý, pháp. Chế-nhập cũng như vậy. Không biến nhập, Thức biến nhập và bốn vô biên nhập như không v.v... vì lấy bốn ẩm làm tánh, nên thuộc về hai nhập: ý, pháp.

Lại có năm giải thoát nhập, lấy trí tuệ làm tánh, thuộc về pháp nhập. Nếu loại bạn chung, thì sẽ thuộc về ba nhập: thanh, ý, pháp.

Lại có hai nhập, tức là vô tướng nhập, phi tướng phi phi tướng nhập. Nhập thứ nhất, tức Vô tướng thiên, thuộc về mười nhập, vì trừ hương, vị nhập. Nhập thứ hai thuộc về hai nhập: ý, pháp. Như vấn đề này, trong kinh Đa Giới, Đức Phật đã thuyết minh có sáu mươi hai giới đều là các giới như lý, nên biết. Nhập thô tóm trong mười tám giới, nơi kinh kia đã nói sáu giới, nghĩa là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Hai giới thức và không, chưa nói tướng của chúng.

Không vô vi này, nên biết tức là giới không, hay tất cả thức nên biết tức là giới thức?

Thuyết kia không phải.

Không phải là sao?

Cửa, gió, lỗ, mũi trong miệng v.v...

Kệ nói: Lỗ, hang, gọi không giới.

Giải thích: Nếu nói lỗ, hang, lẽ ra phải biết là pháp nào?

Kệ nói: Kia nói là sáng, tối.

Giải thích: Vì sao? Vì không có lỗ hang nào rời ngoài ánh sáng, bóng tối mà có thể trông thấy được. Thế nên thuyết kia nói “không” giới, chính là lấy ánh sáng, bóng tối làm tánh, ngày đêm làm phần vị. “Không” giới, này được gọi là sắc lân ngại. Thuyết kia nói sắc ngại, nghĩa là sắc trong tụ tập rất dễ biến đổi, hủy hoại, vì ánh sáng, bóng tối với sắc ngăn ngại rất gần nhau, nên được mang tên là sắc lân ngại.

Lại sư Hữu bộ giải thích: Sắc này cũng là sắc ngăn ngại người khác. Vì không có trở ngại đối với sắc này, nên gần gũi với sắc khác.

Kệ nói: Giới thức tức là thức hữu lưu.

Giải thích: Sao không nói vô lưu? Do Đức Phật đã thừa nhận sáu giới.

Kệ nói: Chỗ nương tựa của sinh.

Giải thích: Sáu giới này, ngay từ lúc tâm đầu tiên gửi sinh, cho đến khi chết đọa, là chỗ nương tựa của tâm sinh. Nếu là pháp vô lưu,

thì không được như sáu giới này. Như trong sáu giới này, bốn giới trước thuộc về xúc giới, giới thứ năm thuộc sắc giới, giới thứ sáu thuộc về bảy thức giới.

Đã thuyết minh về nghĩa sáu giới này. Mười tám giới trước đây đã nói, trong đó, bao nhiêu có hiển, bao nhiêu không hiển?

Kệ nói: Trong đó, một có hiển tức là sắc.

Giải thích: Sắc này để có thể hiển bày, như nói: Sắc này, sắc kia. Do lời nói ấy, nên biết nghĩa còn lại là không phải hiển sắc.

Bao nhiêu là có ngại? Bao nhiêu là không ngại?

Kệ nói: Mười có ngại có sắc.

Giải thích: Mười giới thuộc về sắc ấm, là có ngại. Ngại là pháp gì? Vì chướng ngại nhau, nên gọi là ngại. Sự ngăn ngại này có ba thứ:

1. Chướng ngại.
2. Ngăn ngại của trần
3. Ngăn ngại của chủ thể duyên nơi đối tượng duyên.

Chướng ngại là ở chỗ mình đối chướng ngại chỗ khác sinh. Như tay đối với tay, tự chướng ngại đối nhau, đá đối với đá cũng vậy.

Sự ngăn ngại của trần: Là các căn như mắt v.v..., đối với trần như sắc v.v..., như Luận Giả Danh nói: Có mắt có chướng ngại đối với nước, không phải đối với đất liền, như mắt của loài cá v.v...

Có mắt có chướng ngại đối với đất liền, không phải ở trong nước. Theo đa số, như mắt người v.v...

Có mắt có chướng ngại ở hai xứ, nghĩa là ở dưới nước trên đất liền, như mắt của các loài rùa, ếch ương, quỳ, người bắt cá v.v...

Có mắt nơi hai xứ không chướng ngại, là trừ ba trường hợp trước.

Có mắt bị chướng ngại vào ban đêm, không phải lúc ban ngày, như mắt của dơi, con yểng v.v...

Có mắt bị chướng ngại vào ban ngày, không phải về đêm: theo đa số, như mắt người v.v...

Có mắt bị chướng ngại vào ban ngày lẫn ban đêm: như mắt của chó, dã can, ngựa, báo, mèo, chồn, cáo v.v...

Có mắt không có trở ngại vào hai thời điểm: Trừ ba trường hợp trước. Tướng mạo chướng ngại của trần, như ở đây.

Chướng ngại của chủ thể duyên nơi đối tượng duyên: Tâm và tâm pháp, đối với duyên chính nó, duyên nơi cảnh, có chướng ngại.

Chướng ngại của trần với chướng ngại của chủ thể duyên nơi đối tượng duyên tướng khác là sao? Pháp này đối với chỗ trở ngại có công năng, nói chỗ này là trần của pháp này, gọi là chướng ngại của trần.

Trần bị tâm, tâm pháp nhận lấy, gọi là chướng ngại của chủ thể duyên nơi đối tượng duyên.

Căn này đối với cảnh của mình, nối tiếp nhau sinh là sao? Và thức đối với chủ thể duyên, đối tượng duyên sinh, nói là có chướng ngại?

Vì vượt qua chỗ này, ở chỗ kia không sinh.

Lại nữa, chướng ngại trong đây là do nghĩa đến, tức là sinh ở cảnh mình, ở đấy, do chướng ngại, nên biết mười giới có chướng ngại, vì hỗ tương ngăn ngại.

Hỏi: Nếu pháp do chướng ngại của trần mà có chướng ngại, cũng do chướng ngại mà có chướng ngại không?

Đáp: Có bốn luận chứng:

1. Luận chứng thứ nhất: Tức là giới của bảy tâm và một phần của pháp giới tương ứng với tâm pháp.

2. Luận chứng thứ hai: Tức là năm trần.

3. Luận chứng thứ ba: Nghĩa là năm căn.

4. Luận chứng thứ tư: Tức là một phần của pháp giới, pháp của tâm bất tương ứng.

Hỏi: Nếu pháp do chướng ngại của trần mà có chướng ngại, tất nhiên cũng do sự chướng ngại của chủ thể duyên, đối tượng duyên mà có chướng ngại không?

Đáp: Trừ hai luận chứng sau.

Nếu pháp do chướng ngại của chủ thể duyên, đối tượng duyên mà có chướng ngại, tất nhiên sẽ do chướng ngại của trần mà có chướng ngại. Có pháp do chướng ngại của trần mà có chướng ngại, không do chướng ngại của chủ thể duyên, đối tượng duyên mà có chướng ngại, như năm căn.

Đại đức Cưu-ma-la-la-đa nói:

Xứ này, tâm dục sinh

Chướng ngại khác, không khởi

Nên biết có chướng ngại

Khác đây, không có ngại.

Đã thuyết minh có chướng ngại xong. Trong mười tám giới, có bao nhiêu thiện, bao nhiêu ác, bao nhiêu vô ký?

Kệ nói: Tám vô ký.

Giải thích: Những gì là tám? Trước kia đã nói trong mười thứ có chướng ngại.

Kệ nói: Là mười, trừ sắc, thanh.

Giải thích: Giới hương, vị, xúc và năm căn là tám. Do sự khác biệt

của thiện, ác không thể ghi nhận, nên nói vô ký.

Có sư khác nói: Vì căn cứ ở quả báo, không thể ghi nhận được, nên gọi là vô ký.

Nếu vậy, đối với vô lưu, sẽ thành tính chất trái lại ư?

Kệ nói: Ba tánh khác.

Giải thích: Mười thứ giới khác, đủ tánh thiện, ác, vô ký. Bảy thức giới trong đây, tương ứng với vô tham v.v..., là tánh thiện. Nếu tương ứng với tham v.v..., là tánh ác, pháp còn lại ở đây là tánh vô ký. Pháp giới tương ứng với thiện như vô tham v.v... và phát khởi trạch diệt, đều là tánh thiện. Tương ứng với ác như tham v.v... và phát khởi là tánh ác. Ngoài ra là tánh vô ký. Sắc giới, thanh giới, tâm thiện, ác phát khởi, là tánh thiện, ác, thuộc về nghiệp thân, miệng. Nếu khác với tánh thiện, ác này là tánh vô ký.

Đã thuyết minh tánh thiện v.v... của các giới xong.

Trong mười tám giới, có bao nhiêu giới tương ứng với cõi Dục? Bao nhiêu giới tương ứng với cõi Sắc, cõi Vô sắc?

Kệ nói: Dục giới có đầy đủ.

Giải thích: Tương ứng là nghĩa đầy đủ không lìa nhau. Nên biết ở trong cõi Dục đều có đủ mười tám giới.

Kệ nói: Cõi Sắc có mười bốn.

Giải thích: Ở trong cõi Sắc không đủ, chỉ có mười bốn

Những gì là mười bốn?

Kệ nói:

Là trừ hương, vị

Và tị, thiệt thức.

Giải thích: Ở trong cõi Sắc không có hương vị, vì hai thứ này là loại đoạn thực. Do lìa đoạn thực nơi cõi Dục, nên thọ sinh ở cõi Sắc, do không có thứ trần này, nên hai thức tị, thiệt cũng không được sinh, vì không có chủ thể duyên, đối tượng duyên.

Nếu vậy, ở cõi Sắc, không nên lập có giới xúc, vì xúc cũng là loại đoạn thực. Thật vậy, nếu xúc không phải loại đoạn thực, mà ở cõi Sắc có thể có thì hương, vị lẽ ra cũng thế? Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì rời ngoài thức ăn, không có tác dụng riêng nơi hương, vị, như xúc. Xúc có tác dụng riêng, nghĩa là có thể trở thành căn, có thể làm chủ thể nương dựa, gìn giữ, và trở thành y phục v.v... Chúng sinh của xứ kia, vì đã lìa đoạn thực nơi cõi Dục, thế nên, hương vị không có tác dụng, xúc thì không như vậy.

Sư Hữu bộ nói: Vì nương dựa nơi định và Tam-ma-bạt-đề, hoặc

thấy sắc, nghe tiếng, đều tương ứng với khinh an. Có loại xúc trội hơn, có thể tạo lợi ích cho thân cõi Sắc, thế nên, ba giới này ở chỗ định, sinh sẽ được sinh theo nhau. Hương, vị thì không như vậy.

Nếu thế ở cõi Sắc không nên có hai căn mũi, lưỡi.

Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì hai căn này có công dụng. Nếu không có hai căn ấy thì thân trông rất xấu xí, do không có hai căn, lại nói năng không thành.

Nếu công dụng như đây, thì chỉ cần nương tựa nơi mũi, lưỡi, vì trang nghiêm thân, kể cả nói năng, không cần hai căn mũi, lưỡi.

Nghĩa này không đúng, vì không có chỉ nương tựa mà không phải căn, cũng như nam căn nương tựa ở thân kia, ở thân này không sinh, mà có thể đúng. Vì vô dụng nên chỉ là nương tựa nơi mũi lưỡi, còn ở thân nơi cõi kia thì có tác dụng. Thế nên, nếu lia căn ở cõi kia, sinh ở cõi này, thì vẫn hợp lý. Như có các căn vô dụng, cũng sinh, như có chúng sinh quyết định chết ở trong thai, tuy vô dụng mà vẫn có thể sinh, không phải không nhân mà có thể sinh, các căn này từ nhân nào sinh? Do nghiệp hữu ái mạnh trội ở căn. Nếu người ly dục, đối với trần, đối với căn, đã quyết định lia dục, thì người ấy đã lia ham muốn hai trần hương, vị, lẽ ra hai căn mũi, lưỡi không nên sinh. Nếu sinh hai căn mũi, lưỡi, thì sao nam căn không sinh? Vì lẽ nếu sinh thì xấu xí.

Nếu căn được giấu kín như âm của tượng vương, thì làm sao xấu xí, và không nhất định do có tác dụng mới sinh.

Thế nào là sinh? Tất nhiên do nhân nên sinh, mặc dù lại xấu xí, nếu có nhân, tất nhiên nên sinh. Nhân đã không có, thì người này sẽ không sinh, người kia làm sao sinh? Nghĩa này không đúng, vì mâu thuẫn với kinh. Trong kinh nói: “Người kia, căn đầy đủ không có thiếu ít”. Nghĩa này không đúng. Vì tùy thuộc ở căn người kia vốn có mới nói là không thiếu ít, thì đâu có mâu thuẫn.

Nếu không như vậy thì ở cõi Sắc, lẽ ra cũng có nam căn?

Thuyết kia nói như thế này: Đối với người nơi cõi Sắc có hai căn mũi, lưỡi, chỉ không có hương, vị. Người nơi cõi Sắc do dựa vào môn nội, ở sáu căn, sinh tham ái, không do môn trần ngoại. Đối với nam căn sinh ái, tất nhiên do môn xúc đậm khởi, thế nên, nghĩa này được thành.

Nên ở cõi Sắc có mười bốn giới.

Kệ nói:

Tương ứng cõi Vô sắc

Ý pháp, ý thức giới.

Giải thích: Đã lia cõi Dục, Sắc, thọ sinh ở cõi Vô sắc, tức lia tánh sắc của mười giới làm tánh, và tác dụng của năm thức giới nơi cõi Dục sắc là cảnh nương tựa. Thế nên, ở cõi Vô sắc không được có mười lăm giới này.

Có bao nhiêu giới hữu lưu? Có bao nhiêu giới vô lưu? Ba giới: ý, pháp, thức trước đây đã nói.

Kệ nói: Các hữu lưu, vô lưu là ba.

Giải thích: Nếu trong ba cõi này, thì đạo đế thuộc vô vi là vô lưu, khác với đây là hữu lưu.

Kệ nói: Còn lại là hữu lưu.

Giải thích: Mười lăm giới còn lại, hoàn toàn quyết định là hữu lưu.

Bao nhiêu giới có giác, có quán? Bao nhiêu giới không có giác, có quán? Bao nhiêu giới không có giác không có quán?

Kệ nói:

Có giác cũng có quán

Định là năm thức giới.

Giải thích: Vì năm thức giới này luôn tương ứng với giác, quán, nên nói định, vì để phân biệt với giới khác.

Kệ nói: Ba sau có, ba nghĩa.

Giải thích: Ý giới, pháp giới, ý thức giới, vì là sau cuối trong mười tám giới, nên nói là sau. Đây là đủ ba phẩm: ý giới, ý thức giới và pháp giới tương ứng với tâm, trừ giác, quán, ở cõi Dục và sơ định có giác, có quán. Nơi định trung gian không có giác chỉ có quán. Từ định thứ hai trở lên cho đến không có giác, không có quán của Hữu Đảnh, tất cả pháp giới của tâm bất tương ứng, và quán của định trung gian, là giác luôn không có giác, chỉ có quán. Vì không có giác thứ hai, vì chỉ tương ứng với quán, nên ở cõi Dục và quán của sơ định, không nhập trong ba phẩm.

Thuyết minh về danh từ giác, quán kia thế nào là không có giác, chỉ có quán?

Vì không có quán thứ hai, vì quán tương ứng với giác, nên nói như thế.

Địa có giác, quán, có pháp của bốn phẩm:

1. Có giác, có quán: Nghĩa là trừ , pháp tương ứng của tâm ngoài giác quán.

2. Không có giác, có quán: Chỉ là quán

3. Không có giác, không có quán: Tức là pháp không tương ứng

tâm.

4. Không có quán, có giác: Chỉ là giác.

Kệ nói: Giới khác, hai thứ là.

Giải thích: Mười giới có sắc gọi là giới khác. Mười giới này luôn không có (là) giác, quán, vì không tương ứng với tâm .

Nếu tụ của năm thức có giác, quán, thì sao lại nói là không phân biệt?

Kệ nói:

Chỉ rõ và nghĩ nhớ

Do hai không phân biệt.

Giải thích: Thuyết kia nói phân biệt có ba:

1. Phân biệt tự tánh.
2. Phân biệt hiển thị.
3. Phân biệt nhớ nghĩ.

Năm thức chỉ có phân biệt tự tánh, không có hai phân biệt còn lại, nên nói là không phân biệt, như ngựa một chân, nói là không có chân. Phân biệt tự tánh ở đây, tức là giác quán, sẽ thuyết minh sau, trong phần tâm pháp. Hai phân biệt còn lại, tương nó lần lượt thế nào?

Kệ nói:

Hai, là trí tâm tán

Các niệm chỉ tâm địa.

Giải thích: Vì trí này tương ứng với ý thức, nên gọi là trí tâm, vì không phải định tĩnh lặng, nên gọi là là tán. Trí này tức là phân biệt hiển thị. Tất cả sự nhớ nghĩ tương ứng với ý thức, hoặc định, hoặc tán, gọi là phân biệt nhớ nghĩ.

Bao nhiêu giới có chủ thể duyên, đối tượng duyên? Bao nhiêu giới không có duyên duyên.

Kệ nói: Bảy thức có duyên duyên.

Giải thích: Nghĩa là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn, ý thức. Bảy thức giới này có duyên duyên, vì có thể nhận lấy trần.

Kệ nói: Có nửa trong pháp giới.

Giải thích: Pháp giới này cũng có duyên duyên, vì thể là tâm pháp. Mười giới có sắc còn lại và một phần pháp giới là pháp của tâm bất tương ứng, nên biết không có chủ thể duyên, đối tượng duyên.

Bao nhiêu có chấp? Bao nhiêu không có chấp?

Kệ nói: Chín giới không có chấp.

Giải thích: Những gì là chín? Bảy giới có duyên duyên một nửa và thứ tám.

Kệ nói: Thứ tám là thanh giới.

Giải thích: Chín giới này không phải là đối tượng chấp, nghĩa là bảy thức giới, pháp giới, và thanh giới.

Kệ nói: Còn lại có hai.

Giải thích: Khác có hai, nghĩa là chín giới còn lại hoặc có chấp, hoặc không có chấp. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân trong đây, nếu hiện tại thì có chấp, sắc, hương, vị, xúc hiện tại. Nếu cùng với căn không rời nhau, cũng có chấp, khác đây thì không có chấp. Như có chấp là ngoại trừ căn, tóc, lông, móng, răng, đại tiểu tiện, mũi dãi, máu v.v... và ở trong đất, nước v.v...

Có chấp, không có chấp., lời nói này có nghĩa gì? Tâm và tâm pháp thấu tóm giới kia làm chỗ nương dựa của mình, do tổn ích của giới kia thuận theo lẫn nhau. Như thế gian nói có cảm giác, đây gọi là có chấp. Chấp lấy nghĩa cảm giác khác đây, gọi là không có chấp.

Bao nhiêu giới lấy bốn đại làm tánh? Bao nhiêu giới do bốn đại tạo làm tánh?

Kệ nói: Xúc giới có hai thứ.

Giải thích: Xúc có bốn đại và bốn đại tạo nên. Bốn xúc như cứng v.v... là bốn đại. Bảy xúc như mềm, trơn v.v... là do bốn đại tạo ra. Vì dựa vào bốn đại sinh, nên gọi là được tạo.

Kệ nói: Chín có sắc được tạo.

Giải thích: Năm căn giới, bốn trần giới, chín giới này chỉ là được tạo.

Kệ nói: Và một phần pháp giới.

Giải thích: Vô biểu sắc trong pháp giới, thuyết kia nói cũng là được tạo. Bảy thức giới và trong pháp giới ngoại trừ vô biểu, còn lại không phải hai thứ nói trên.

Phật-đà Đề-bà nói: Mười nhập chỉ là bốn đại. Chấp này không đúng. Ở trong kinh, do quyết định rõ nên nói bốn đại và bốn tướng như cứng v.v... Bốn đại này vì chỉ là xúc, nên bốn tướng như cứng v.v... không phải là đối tượng thấy của mắt v.v... Bốn trần như sắc v.v... không phải là đối tượng nhận biết của thân căn. Thế nên, lối chấp này không như trong kinh. Phật, Thế Tôn nói: Tỳ-kheo! Nhãn căn là nội nhập dựa vào bốn đại, là sắc tịnh được tạo của bốn đại. Có sắc không có hiển, có chướng ngại, cho đến thân căn cũng thế. Tỳ-kheo! Sắc là ngoại nhập, dựa vào ở bốn đại, là do bốn đại tạo ra nên có sắc, có hiển, có chướng ngại. Tỳ-kheo! Thanh là ngoại nhập dựa vào bốn đại, là do bốn đại tạo ra nên có sắc, không có hiển, có chướng ngại, cho đến vị cũng thế. Tỳ-

kheo! Sự chạm xúc là ngoại nhập, là bốn đại, hoặc dựa vào bốn đại, là do bốn đại tạo ra.

Có sắc không có hiển, có chướng ngại, như trong kinh này nói: “Do một phần xúc thâm tóm bốn đại đều hết, pháp khác không phải bốn đại, nghĩa này sáng rõ có thể biết”.

Lại nữa, trong kinh nói: “Mắt tức là viên thịt, trong đó là cứng, là loại cứng. Các kinh như thế, chỉ nói viên thịt với nhãn căn không lìa nhau, không nói nhãn căn”. Trong kinh Nhập Thai nói: “Tỳ-kheo! Nhập nghĩa là chỉ sáu giới, sáu giới này được nói là hiển bày chỗ thành tựu căn bản của chúng sinh”. Lại nữa, đối với kinh này do Phật nói sáu thứ xúc nhập. Nếu không như vậy, thì đối với ông, lẽ ra cũng không có tâm pháp như thọ v.v...

Nếu ông nói tâm pháp tức là tâm, thì nghĩa này không đúng, vì tướng, thọ là tâm pháp dựa vào tâm sinh.

Do kinh này nói tướng thọ và nói tâm là gốc, nên lối chấp này không thể so sánh bằng. Do nói tâm tương ứng với dục, thế nên như thuyết trước đã nói: “Các giới có bốn đại và bốn đại tạo ra, nghĩa này được thành”.

Bao nhiêu tụ vi của giới thành? Bao nhiêu giới không phải do tụ vi thành?

Kệ nói: Tụ vi mười giới sắc.

Giải thích: Là năm căn giới và năm trần giới đều do tụ cực vi hình thành và được hình thành do chúng Lân hư.

